

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC SỬ DỤNG NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG TRUNG HẠN 2016-2020 HỖ TRỢ  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số: 1709/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>65.200,0</b>	<b>25.400,0</b>	<b>39.800,0</b>		
<b>I</b>	<b>Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</b>	<b>60.686,0</b>	<b>26.788,0</b>	<b>6.900,0</b>	<b>19.888,0</b>		
<b>1</b>	Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn. Hạng mục: Lắp đặt hệ thống lọc nước uống tại trường THCS và Trạm Y tế xã Nhơn Châu	788,0	788,0	788,0		UBND thành phố Quy Nhơn	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ công trình nước sạch nông thôn</b>	<b>59.898,0</b>	<b>26.000,0</b>	<b>6.112,0</b>	<b>19.888,0</b>		
<b>a</b>	Bổ sung nguồn nước các nhà máy: Nhơn Tân, Phước Sơn, khu Đông Nam Hoài Nhơn, Đông Nam Phù Cát. Địa điểm xây dựng: Xã Nhơn Tân (thị xã An Nhơn), xã Phước Hiệp (huyện Tuy Phước), xã Hoài Xuân (huyện Hoài Nhơn); xã Cát Nhơn (huyện Phù Cát)	3.200,0	2.000,0	2.000,0		Sở Nông nghiệp và PTNT	
<b>b</b>	Dự án Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam huyện Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp, đường ống dẫn nước, phân phối nước sạch dọc tuyến đường ĐT639 và các tuyến ống nhánh phân phối (cấp nước 02 thôn: Lâm Trúc 1 và Lâm Trúc 2, xã Hoài Thanh). Địa điểm xây dựng: Xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn	12.000,0	3.500,0	3.500,0		Sở Nông nghiệp và PTNT	

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
c	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phong. Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	5.500,0	1.000,0		1.000,0	UBND huyện Phù Mỹ	
d	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Vạn Hội, xã Ân Tín. Địa điểm xây dựng: Xã Ân Tín, huyện Hoài Ân	6.900,0	4.000,0	612,0	3.388,0	UBND huyện Hoài Ân	
đ	Nâng cấp, mở mạng đường ống cấp nước Nhà máy nước Ân Tường Tây. Địa điểm xây dựng: Xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân	5.000,0	3.000,0		3.000,0	UBND huyện Hoài Ân	
e	Dự án Mở rộng phạm vi cấp nước Vĩnh An-Bình Tường: Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch đến xã Tây Phú từ nhà máy cấp nước Vĩnh An-Bình Tường. Địa điểm xây dựng: Xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	8.000,0	5.000,0		5.000,0	Sở Nông nghiệp và PTNT	
g	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt Phước Thuận. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.	9.798,0	1.500,0		1.500,0	UBND huyện Tuy Phước	
h	Hỗ trợ khoan giếng, xây dựng bể chứa nước và mở rộng hệ thống đường ống cấp nước sạch, phục vụ sinh hoạt của người dân và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Nhơn Phong và Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn	3.500,0	2.000,0		2.000,0	UBND thị xã An Nhơn	
i	Dự án Mở rộng phạm vi cấp nước Tây Giang-Tây Thuận: Xây dựng trạm bơm tăng áp và đường ống phân phối nước sạch cấp nước cho xã Tây Thuận (từ nhà máy nước Tây Giang - Tây Thuận). Địa điểm xây dựng: Xã Tây Giang-Tây Thuận, huyện Tây Sơn	6.000,0	4.000,0		4.000,0	Sở Nông nghiệp và PTNT	

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mỗi giao kế hoạch vốn	Ghi chú
II	Đề án về xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa (Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)		500,0	500,0		UBND huyện Tuy Phước	
III	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018), gồm:		26.000,0	13.000,0	13.000,0		
1	Xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước (09 thôn)		9.000,0	4.500,0	4.500,0	UBND huyện Tuy Phước	*
2	Xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ (08 thôn)		8.000,0	4.000,0	4.000,0	UBND huyện Phù Mỹ	*
3	Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ (09 thôn)		9.000,0	4.500,0	4.500,0		*
IV	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã (Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014; Quyết định 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018)	19.138,0	11.912,0	5.000,0	6.912,0		
1	<b>Huyện Tuy Phước</b>	<b>3.715,0</b>	<b>2.470,0</b>	<b>1.150,0</b>	<b>1.320,0</b>	UBND huyện Tuy Phước	
a	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Quang. Hạng mục:						
-	Nhà kho (diện tích 150m <sup>2</sup> )	570,0	400,0	400,0			
-	Nâng cấp Trụ sở làm việc	650,0	350,0	350,0			
b	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Lộc. Hạng mục: Xây dựng nhà máy sấy lúa (diện tích 120m <sup>2</sup> )	625,0	480,0		480,0		
c	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Sơn II. Hạng mục: Xây dựng nhà máy sấy lúa (diện tích 90m <sup>2</sup> )	600,0	350,0		350,0		
d	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Hiệp. Hạng mục: Nhà kho (diện tích 150m <sup>2</sup> )	570,0	400,0	400,0			

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mỗi giao kế hoạch vốn	Ghi chú	
d	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Thuận. Hạng mục: Xây dựng nhà máy sấy lúa (diện tích 90m <sup>2</sup> )	400,0	280,0		280,0			
e	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Thắng. Hạng mục: Nâng cấp cửa hàng vật tư nông nghiệp (diện tích 100m <sup>2</sup> )	300,0	210,0		210,0			
<b>2</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>	<b>4.193,0</b>	<b>2.760,0</b>	<b>720,0</b>	<b>2.040,0</b>			
a	Hợp tác xã nông nghiệp II Nhơn Thọ. Hạng mục:					UBND thị xã An Nhơn		
-	Giao thông nội đồng vào vùng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, dài 850m	543,0	200,0	200,0				
-	Hệ thống thiết bị nhà sơ chế, chế biến rau an toàn công nghệ cao	600,0	420,0	420,0		UBND thị xã An Nhơn		
-	Nâng cấp trụ sở làm việc, nhà kho	150,0	100,0	100,0				
b	HTX nông nghiệp Nhơn Phúc. Hạng mục:							
-	Sân phơi (diện tích 400m <sup>2</sup> )	300,0	150,0		150,0			
-	Nâng cấp trạm bơm số 2 Thắng Công	250,0	150,0		150,0			
c	Hợp tác xã nông nghiệp Nhơn An. Hạng mục: Bê tông đường giao thông nội đồng khu sản xuất tập trung:					UBND thị xã An Nhơn		
-	Tuyến từ nhà ông Thân đến nhà 9 Quê, dài 853m	900,0	720,0		720,0			
-	Tuyến từ nhà ông Mẫn đến Gò Đình, dài 680m	700,0	520,0		520,0			
d	Hợp tác xã nông nghiệp Nhơn Hậu. Hạng mục: Nâng cấp trạm bơm Bến Gõ	750,0	500,0		500,0			

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mỗi giao kế hoạch vốn	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>	<b>3.700,0</b>	<b>2.252,0</b>	<b>1.100,0</b>	<b>1.152,0</b>	UBND huyện Phù Cát	
a	Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cát Tài. Hạng mục:						
-	BTXM đường giao thông nội đồng tuyến: Từ Hào Long đến Khu sản xuất tập trung thôn Chánh Danh, dài 1,6km	1.600,0	1.000,0	500,0	500,0		
-	Xây dựng nhà máy sấy lúa, nhà kho, sân phơi	1.100,0	602,0		602,0		
b	Hợp tác xã nông nghiệp Cát Chánh. Hạng mục: Trụ sở làm việc	1.000,0	650,0	600,0	50,0		
<b>4</b>	<b>Huyện Phù Mỹ</b>	<b>1.500,0</b>	<b>1.060,0</b>	<b>560,0</b>	<b>500,0</b>	UBND huyện Phù Mỹ	
a	Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Hòa. Hạng mục: Nhà kho (diện tích 120 m <sup>2</sup> )	300,0	200,0	200,0			
b	Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Trinh. Hạng mục: Cửa hàng vật tư nông nghiệp (diện tích 120m <sup>2</sup> )	300,0	200,0	200,0			
c	Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Tài. Hạng mục: Cửa hàng vật tư nông nghiệp (diện tích 110m <sup>2</sup> )	350,0	250,0	160,0	90,0		
d	Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Lộc. Hạng mục: Cửa hàng vật tư nông nghiệp (diện tích 150m <sup>2</sup> )	550,0	410,0		410,0		
<b>5</b>	<b>Huyện Hoài Nhơn</b>	<b>2.500,0</b>	<b>1.100,0</b>	<b>700,0</b>	<b>400,0</b>	UBND huyện Hoài Nhơn	
a	Hợp tác xã nông nghiệp Hoài Xuân. Hạng mục:						
-	Nhà kho (diện tích 100m <sup>2</sup> )	300,0	200,0	200,0			
-	Nâng cấp Trụ sở làm việc	1.000,0	400,0		400,0		
b	Hợp tác xã nông nghiệp Hoài Mỹ. Hạng mục: Xây dựng mới Trụ sở làm việc	1.200,0	500,0	500,0			

TT	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020	Năm 2019 (Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2020 (Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đầu mỗi giao kế hoạch vốn	Ghi chú
<b>6</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>	<b>2.400,0</b>	<b>1.560,0</b>	<b>260,0</b>	<b>1.300,0</b>	UBND huyện Hoài Ân	
a	Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín.						
-	Cửa hàng trung bày bán gạo hữu cơ	150,0	100,0	100,0			
-	Nâng cấp xưởng sơ chế xay xát gạo	200,0	160,0	160,0			
-	Nâng cấp Trụ sở làm việc	150,0	100,0		100,0		
b	Hợp tác xã nông nghiệp Ân Thạnh. Hạng mục:					UBND huyện Hoài Ân	
-	Nâng cấp nhà kho	250,0	150,0		150,0		
-	Sân phơi	300,0	200,0		200,0		
c	Hợp tác xã nông nghiệp Ân Phong 2. Hạng mục: Vườn ươm giống cây lâm nghiệp	350,0	200,0		200,0		
d	Hợp tác xã nông nghiệp Ân Phong 1. Hạng mục: Trụ sở làm việc	1.000,0	650,0		650,0		
<b>7</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>	<b>1.130,0</b>	<b>710,0</b>	<b>510,0</b>	<b>200,0</b>	UBND huyện Tây Sơn	
a	Hợp tác xã nông nghiệp Tây Bình. Hạng mục: Sửa chữa Trụ sở làm việc	150,0	100,0		100,0		
b	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ Bình Thuận. Hạng mục: Cửa hàng vật tư nông nghiệp	180,0	100,0		100,0		
c	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ Tây Thuận. Hạng mục:						
-	Cửa hàng vật tư nông nghiệp	300,0	200,0	200,0			
-	Nhà kho (diện tích 150m <sup>2</sup> )	500,0	310,0	310,0			

**Ghi chú :** (\*): Các Chủ đầu tư đăng ký danh mục công trình sử dụng nguồn vốn được phân bổ thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT để trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.